

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ G  
TỈNH B**

Bản án số: **66/2022/DS-ST**  
Ngày: 23 - 9 - 2022.  
V/v tranh chấp  
Hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Duy Khánh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**.

2. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Đèo** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn**

**Mộng Đẹp** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Trung Tr**, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Xóm Lớn A, xã V, huyện H, tỉnh B.

- *Đồng bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Cẩm Th**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 13, phường L, thị xã G, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Bùi Trung Tr** trình bày: Ngày 27/3/2022 ông **Tr** có cho bà **Nguyễn Cẩm Th** và ông **Nguyễn Văn T** vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), hai bên có lập và ký tên vào biên nhận tiền thể hiện ngày 25/02/2022 Âm lịch (nhằm ngày 27/3/2022 Dương lịch). Hai bên thỏa thuận bên vay hoàn lại toàn bộ số tiền vay cho ông **Tr** trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày vay tiền. Trong biên nhận không có ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận bằng lời nói với nhau lãi suất là 05%/tháng. Bà **Th** và ông **T** đã nhận đủ của ông **Tr** số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 25/02/2022 Âm lịch (nhằm ngày 27/3/2022

Dương lịch). Sau khi vay tiền đến nay ông T và bà Th không trả cho ông Tr được khoản tiền vốn hay lãi nào, dù ông Tr nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Nay ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Cẩm Th cùng có trách nhiệm trả cho ông Tr số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 27/3/2022 cho đến khi trả xong tiền vốn vay, tạm tính đến ngày 27/6/2022 là 03 tháng với số tiền lãi là 14.940.000 đồng. Ngoài ra ông Tr không yêu cầu gì thêm.

\* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T và bà Th, nhưng ông bà đều vắng mặt và không gửi văn bản hay ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tr cho Tòa án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đồng bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Cẩm Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà Th.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Trung Tr về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Cẩm Th trả số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và trả tiền lãi của nợ gốc nêu trên từ ngày 27/3/2022 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, đồng thời buộc ông T và bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Bùi Trung Tr yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Cẩm Th trả số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định, ông T và bà Th không trả nợ nên hai bên phát sinh tranh chấp. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Cẩm Th có địa chỉ cư trú tại Khóm 13, phường Láng Tròn, thị xã G, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Cẩm Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[4] Về nội dung vụ án:**

Xét yêu cầu của ông Bùi Trung Tr yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Cẩm Th trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng, tại tờ “Biên nhận nợ” ngày 25/02/2022 âm lịch mà ông Tr cung cấp có thể hiện ông T và bà Th vay tiền của ông Tr với số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T và bà Th, trong đó thể hiện đầy đủ yêu cầu khởi kiện của ông Tr và những tài liệu, chứng cứ ông Tr giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nhưng ông T và bà Th đều không có mặt tại Tòa án để làm việc và cũng không có văn bản nghị ý kiến của mình gửi cho tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông T và bà Th có vay và nợ ông Tr số tiền vốn gốc 300.000.000 đồng. nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Tr, buộc ông T và bà Th cùng có trách nhiệm trả cho ông Tr số tiền 300.000.000 đồng tiền nợ vốn gốc.

Đối với yêu cầu đòi nợ lãi của ông Tr, ông xác định lãi suất thỏa thuận là 05%/tháng, ông chưa nhận được khoản tiền lãi nào, nhưng trong biên nhận nợ không có thể hiện phần lãi suất, ông T và bà Th thì không có ý kiến phản hồi nên không có căn cứ xác định lãi suất hai bên thỏa thuận là 05%/tháng như ông Tr trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đây là trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì ông T và bà Th chỉ phải chịu mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tức là phải chịu mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,833%/tháng. Do đó, khoản tiền lãi được tính như sau: từ ngày vay là 27/3/2022 đến ngày hôm nay 23/9/2022 là 05 tháng 27 ngày:  $(300.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng}) \times 05 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 14.744.100 \text{ đồng}$ . Ngoài ra, ông T và bà Th còn phải trả lãi phát sinh theo quy định pháp luật cho ông Tr kể từ ngày 24/9/2022 đến khi trả xong số tiền vốn vay 300.000.000 đồng.

**[5] Về án phí:** Theo khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Ông T và bà Th phải trả nợ cho ông Tr số tiền vốn và lãi là 314.744.100 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng là:  $314.744.100 \text{ đồng} \times 5\% = 15.737.000 \text{ đồng}$ .

Ông Tr không phải chịu án phí, nên ông Tr được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân;  
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

**Tuyên xử:**

**1/.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Trung Tr.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Cẩm Th cùng có trách nhiệm trả cho ông Bùi Trung Tr số tiền 314.744.100 đồng (Ba trăm mười bốn triệu, bảy trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 14.744.100 đồng.

Kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2/.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Cẩm Th phải nộp 15.737.000 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Ông Bùi Trung Tr không phải chịu án phí. Ông Bùi Trung Tr được nhận lại 7.873.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004209 ngày 27/7/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã G.

**3/.** Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh B;
- VKSND TX, G;
- CCTHADS TX. G;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Duy Khánh**

